

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
KHOA THƯƠNG MẠI

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN – ĐỀ 2  
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

|                                              |                                                           |                    |                                |      |
|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------|------|
| Tên học phần:                                | Ngh nghiệp vụ ngân hàng và các định chế tài chính quốc tế |                    |                                |      |
| Mã học phần:                                 | 241_71BUSI40013                                           |                    | Số tin chỉ:                    | 3    |
| Mã nhóm lớp học phần:                        | 241_71BUSI40013_01_02                                     |                    |                                |      |
| Hình thức thi: <b>Trắc nghiệm và tự luận</b> |                                                           | Thời gian làm bài: | <b>60</b>                      | phút |
| <i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>     | <input checked="" type="checkbox"/> Có                    |                    | <input type="checkbox"/> Không |      |

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO                                                                                               | Hình thức đánh giá | Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%) | Câu hỏi thi số | Điểm số tối đa | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------|----------------|----------------|-------------------------------------|
| (1)         | (2)                                                                                                        | (3)                | (4)                                        | (5)            | (6)            | (7)                                 |
| CLO 1       | Phân biệt được các quy định, cơ chế hoạt động và các loại hình sản phẩm, dịch vụ của ngân hàng thương mại. | Trắc nghiệm        | 30                                         | 1 đến 10       | 3              | PI 3.2, PI 4.1                      |
| CLO 2       | Sử dụng hồ sơ phù hợp khi thực hiện giao dịch tại ngân hàng.                                               | Trắc nghiệm        | 30                                         | 11-20          | 3              | PI 3.2, PI 4.1                      |
| CLO 3       | Vận dụng kiến thức tài chính và công nghệ để xử lý các nghiệp vụ ngân hàng.                                | Tự luận            | 40                                         | Bài 1-2        | 4              | PI 3.2, PI 4.1                      |

III. Nội dung câu hỏi thi

Trắc nghiệm: (6đ)

**Câu 1:** Vốn điều lệ của ngân hàng thương mại do ai quy định?

- A. Do ngân hàng thương mại quy định
- B. Do ngân hàng trung ương quy định
- C. Tất cả đều đúng.
- C. Do nhà nước quy định

ANSWER A

**Câu 2:** Những căn cứ định giá lãi cho vay nào dưới đây của khoản vay là đúng nhất?

- A: Dự phòng tổn thất, thời hạn vay, yếu tố cạnh tranh, lãi suất trên thị trường.
- B: Chi phí huy động vốn, dự phòng tổn thất rủi ro
- C: Chi phí huy động vốn, mức vay, các phân tích về người vay vốn
- D: Chi phí huy động vốn, mức vay, thời hạn vay

ANSWER A

**Câu 3:** Cho vay theo hạn mức tín dụng là gì?

- A: Là phương pháp cho vay mà ngân hàng và khách hàng thoả thuận một dư nợ tối đa duy trì trong một thời gian nhất định
- B: là phương pháp mà người vay yêu cầu ngân hàng cấp cho một hạn mức.
- C: Là phương pháp mà ngân hàng quy định một hạn mức cho khách hàng vay, không cần có ý kiến của khách hàng
- D: Tất cả đều đúng

ANSWER A

**Câu 4:** Thế nào là cho vay từng lần?

- A: Là mỗi lần vay khách hàng phải làm thủ tục vay và ký hợp đồng vay từng lần.
- B: Là mỗi lần vay khách hàng phải làm thủ tục vay nhưng không phải ký hợp đồng tín dụng.
- C: Là mỗi lần vay khách hàng phải ký hợp đồng vay từng lần, từ lần hai trở đi không phải làm đơn xin vay.
- D: Tất cả đều đúng.

ANSWER A

**Câu 5:** Tổ chức tín dụng không được cho vay vốn những nhu cầu nào?

- A: Nhu cầu tài chính để giao dịch mà pháp luật cấm; nhu cầu thanh toán các chi phí, thực hiện các giao dịch mà pháp luật cấm và nhu cầu mua sắm tài sản và chi phí hình thành nên tài sản mà pháp luật cấm mua bán, chuyển nhượng, chuyển đổi.
- B: Nhu cầu mua sắm tài sản và chi phí hình thành nên tài sản mà pháp luật cấm mua bán, chuyển nhượng, chuyển đổi.
- C: Nhu cầu thanh toán các chi phí, thực hiện các giao dịch mà pháp luật cấm.
- D: Nhu cầu mua sắm tài sản và chi phí hình thành nên tài sản mà pháp luật cấm mua bán, chuyển nhượng, chuyển đổi. và những đối tượng kinh doanh xét thấy không có lợi nhuận lớn.

ANSWER A

**Câu 6:** Tín dụng ngân hàng có những nguyên tắc nào?

- A: Tiền vay sử dụng đúng mục đích đã thoả thuận, có tài sản làm đảm bảo tiền vay hoàn trả đúng hạn cả gốc và lãi.
- B: Tiền vay sử dụng đúng mục đích đã thoả thuận và có tài sản đảm bảo cho vốn vay.
- C: Tiền vay sử dụng đúng mục đích đã thoả thuận, có tài sản làm đảm bảo, trả nợ đúng hạn.
- D: Tiền vay sử dụng đúng mục đích đã thoả thuận, có tài sản làm đảm bảo, trả đúng hạn cả gốc và lãi.

ANSWER A

**Câu 7:** Phát biểu nào dưới đây là chính xác?

- A: Tiền gửi không kỳ hạn có thể rút được bất cứ lúc nào trong khi tiền gửi định kỳ chỉ rút được khi đến hạn.
- B: Tiền gửi không kỳ hạn có thể rút được bất cứ lúc nào kể cả khi ngân hàng đóng cửa trong khi tiền gửi định kỳ có thể rút được bất cứ lúc nào khi ngân hàng mở cửa.
- C: Tiền gửi không kỳ hạn không phải rút được bất cứ lúc nào
- D: Tiền gửi có kỳ hạn có thể rút được bất cứ lúc nào

ANSWER A

**Câu 8:** Phát biểu nào dưới đây về tín dụng của ngân hàng thương mại là phù hợp?

- A: Tín dụng có đảm bảo và tín dụng không có đảm bảo
- B: Tín dụng NHTM nhà nước kinh doanh không vì mục đích lợi nhuận
- C: Tín dụng ngân hàng thương mại cổ phần là tín dụng tư nhân
- D: Tín dụng NHTM có hoàn trả và tín dụng NHTM không có hoàn trả

ANSWER A

**Câu 9:** Lãi suất chiết khấu các giấy tờ có giá của khách hàng (không phải là của TCTD) do ai quy định?

- A: Do từng NHTM quy định
- B: Do NHTW quy định
- C: Do các NHTM cùng xác định
- D: Do các NHTM xây dựng trình NHTW phê duyệt

ANSWER A

**Câu 10:** Lãi suất tái chiết khấu của NHTW đối với các giấy tờ có giá của NHTM do ai quy định?

- A: Do NHTW quyết định.
- B: Do NHTM quy định
- C: Do các NHTM cùng xác định
- D: Do NHTM và khách hàng của NHTM xác định

ANSWER A

**Câu 11:** Tham gia hợp đồng bảo lãnh bao gồm có những bên nào?

- A: Bên bảo lãnh, bên được bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh
- B: Ngân hàng, khách hàng và khách hàng của khách hàng
- C: Ngân hàng, bên bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh
- D: Ngân hàng, bên bảo lãnh và bên được bảo lãnh

ANSWER A

**Câu 12:** Bảo lãnh vay vốn và bảo đảm tín dụng có mối liên hệ với nhau như thế nào?

- A: Bảo lãnh vay vốn chỉ là một trong những hình thức bảo đảm tín dụng
- B: Bảo đảm tín dụng chỉ là một trong những hình thức bảo lãnh vay vốn
- C: Hai khái niệm này không liên quan gì đến nhau
- D: Hai khái niệm này hoàn toàn giống nhau

ANSWER A

**Câu 13:** Căn cứ vào mục đích bảo lãnh thì có những loại bảo lãnh nào?

- A: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh hoàn thanh toán, bảo lãnh khác, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh trả chậm.
- B: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh hoàn thanh toán, bảo lãnh khác, bảo lãnh dự thầu.
- C: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh hoàn thanh toán, bảo lãnh khác.
- D: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh hoàn thanh toán, bảo lãnh khác, bảo lãnh trả chậm.

ANSWER A

**Câu 14:** Nội dung văn bản bảo lãnh chứa đựng các yếu tố cơ bản nào?

- A: Chỉ định các bên tham gia, mục đích của bảo lãnh, số tiền bảo lãnh, các điều kiện thanh toán, thời hạn hiệu lực.
- B: Mục đích của bảo lãnh, số tiền bảo lãnh, các điều kiện thanh toán.
- C: Chỉ định các bên tham gia, mục đích của bảo lãnh, số tiền bảo lãnh.
- D: Mục đích của bảo lãnh, số tiền bảo lãnh, các điều kiện thanh toán, thời hạn hiệu lực.

ANSWER A

**Câu 15:** Quy trình cho vay phản ánh những vấn đề gì?

- A: Phản ánh nguyên tắc, phương pháp cho vay, trình tự giải quyết các công việc, thủ tục hành chính và thẩm quyền giải quyết các vấn đề liên quan đến cho vay.
- B: Phản ánh nguyên tắc, phương pháp cho vay; đối tượng vay vốn
- C: Phản ánh nguyên tắc, phương pháp cho vay, trình tự giải quyết các công việc.
- D: Phương pháp cho vay, trình tự giải quyết các công việc

ANSWER A

**Câu 16:** Giao dịch nào trong số giao dịch liệt kê dưới đây không phải là quan hệ tín dụng?

- A: Anh A mua bảo hiểm của công ty Bảo Việt và Ngân hàng ACB bán cổ phiếu cho anh A
- B: Công ty A bán chịu sản phẩm cho công ty B và công ty A ứng trước tiền mua hàng cho công ty C
- C: Quan hệ giữa những người chơi hụi và quan hệ giữa chủ tiệm và khách hàng trong dịch vụ cầm đồ
- D: Công ty tài chính phát hành chứng chỉ tiền gửi

ANSWER A

**Câu 17:** Ý kiến nào dưới đây nói về hoạt động cấp tín dụng và cho vay là đúng?

- A: Cho vay chỉ là một trong những hình thức cấp tín dụng
- B: Cho vay phải có tài sản thế chấp và cấp tín dụng không cần có tài sản thế chấp
- C: Cho vay có thu nợ gốc và lãi và cấp tín dụng chỉ thu nợ gốc và không thu lãi
- D: Cho vay là hoạt động của ngân hàng thương mại và cấp tín dụng là hoạt động của các tổ chức tín dụng.

ANSWER A

**Câu 18:** Quy trình tín dụng do ngân hàng nào xây dựng?

**A:** Quy trình tín dụng là trình tự các bước tiến hành khi xem xét cấp tín dụng cho khách hàng do từng ngân hàng thương mại xây dựng.

**B:** Quy trình tín dụng là những quy định do ngân hàng thương mại và Ngân hàng Nhà nước cùng xây dựng.

**C:** Quy trình tín dụng là trình tự các bước tiến hành khi xem xét cấp tín dụng cho khách hàng do Ngân hàng Nhà nước quy định cho các ngân hàng thương mại

**D:** Quy trình tín dụng là trình tự các bước tiến hành khi xem xét cấp tín dụng cho khách hàng do các ngân hàng thương mại thống nhất xây dựng

ANSWER A

**Câu 19:** Phát biểu nào dưới đây là một phát biểu chính xác?

**A:** Khi vay vốn ngân hàng khách hàng phải có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

**B:** Theo quy định của thể lệ tín dụng, khi vay vốn khách hàng phải có mục đích vay vốn hợp pháp, có khả năng tài chính đảm bảo trả nợ trong thời hạn cam kết và có tài sản thế chấp.

**C:** Theo quy định của thể lệ tín dụng, khi vay vốn khách hàng phải có phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ khả thi, có hiệu quả và có tài sản cầm cố nợ vay.

**D:** Tất cả các phát biểu đều đúng.

ANSWER A

**Câu 20:** Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản thì dựa vào tiêu chí nào?

**A:** Dựa vào uy tín của khách hàng

**B:** Dựa vào năng lực tài chính của khách hàng

**C:** Khả năng hoàn trả gốc và lãi đúng hạn

**D:** Sử dụng vốn vay có hiệu quả

ANSWER A

**Bài tập: (Tự luận 4đ)**

*Bài 1: (1.5đ)*

---

Mai là sinh viên, vào ngày 5/9, mẹ cho Mai 5 triệu đồng để dành chi tiêu cho năm học mới. Mai đem số tiền này gửi tiết kiệm không kỳ hạn tại NH ACB. Trong tháng 9, sổ giao dịch tiền gửi của Mai có thêm các giao dịch sau:

| Ngày | Diễn giải      | Số tiền gửi của Mai (Đồng) |           |
|------|----------------|----------------------------|-----------|
|      |                | Rút tiền                   | Gửi tiền  |
| 5/9  | Gửi vào        |                            | 5,000,000 |
| 10/9 | Trả học phí    | 2,000,000                  |           |
| 15/9 | Bạn học trả nợ |                            | 1,000,000 |
| 18/9 | Trả tiền nhà   | 600,000                    |           |
| 25/9 | Cho bạn mượn   | 1,500,000                  |           |
| 30/9 |                |                            |           |
|      | Cộng:          |                            |           |

Giả sử bạn là nhân viên NH, hãy tính lãi tiền gửi tiết kiệm tháng 9 của Mai biết rằng NH trả lãi suất tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn là 0,25%/tháng.

*Bài giải:*

| Ngày       | Diễn giải      | Số tiền gửi của Mai (Đồng) |           | Số dư     | Số ngày | Tích số    |
|------------|----------------|----------------------------|-----------|-----------|---------|------------|
|            |                | Rút tiền                   | Gửi vào   |           |         |            |
| 5/9        | Gửi vào        |                            | 5,000,000 | 5,000,000 | 5       | 25,000,000 |
| 10/9       | Trả học phí    | 2,000,000                  |           | 3,000,000 | 5       | 15,000,000 |
| 15/9       | Bạn học trả nợ |                            | 1,000,000 | 4,000,000 | 3       | 12,000,000 |
| 18/9       | Trả tiền nhà   | 600,000                    |           | 3,400,000 | 7       | 23,800,000 |
| 25/9       | Cho bạn mượn   | 1,500,000                  |           | 1,900,000 | 5       | 9,500,000  |
| 30/9       |                |                            |           | 1,900,000 | 1       | 1,900,000  |
| Tổng Cộng: |                |                            |           |           | 26      | 87,200,000 |

Tiền lãi:  $= 87,200,000 \times 0.25\% \times 12/365$

7,167.12

Bài 2: (2.5đ)

Dự án đầu tư X của Công ty Cát Vàng có tổng dự toán là 20.000.000. Chủ đầu tư có vốn tự có tham gia vào dự án là 5.000.000, nhập khẩu máy móc thiết bị trả chậm trong 5 năm là 5.000.000, số còn lại Công ty xin vay Ngân hàng.

Yêu cầu:

- Xác định hạn mức tín dụng cho dự án nói trên, biết rằng dự án đã được thẩm định có tính khả thi.
- Giả sử hạn mức nói trên được chấp nhận và được giải ngân 6 đợt như sau:
  - Đợt 1: ngày 01/06/2018      Số tiền : 2.000.000
  - Đợt 2: ngày 21/07/2018      Số tiền : 1.000.000
  - Đợt 3: ngày 20/08/2018      Số tiền : 1.000.000
  - Đợt 4: ngày 29/09/2018      Số tiền : 3.000.000
  - Đợt 5: ngày 29/10/2018      Số tiền : 1.000.000
  - Đợt 6: ngày 28/11/2018      Số tiền : 2.000.000

Công trình hoàn thành vào ngày 15/02/2019. Tính tiền lãi phát sinh trong thời gian thi công. Biết rằng L/S cho vay là 1% /Tháng (lãi không nhập vốn).

*Bài giải:*

$$1/ \text{HMTD} = 20.000.000 - 5.000.000 - 5.000.000 = 10.000.000$$

2/ Tiền lãi TC =

| Ngày  | Số tiền      | Số dư         | Số ngày | Tích số          |
|-------|--------------|---------------|---------|------------------|
| 1/6   | 2,000,000.00 | 2,000,000.00  | 50      | 100,000,000.00   |
| 21/7  | 1,000,000.00 | 3,000,000.00  | 30      | 90,000,000.00    |
| 20/8  | 1,000,000.00 | 4,000,000.00  | 40      | 160,000,000.00   |
| 29/9  | 3,000,000.00 | 7,000,000.00  | 30      | 210,000,000.00   |
| 29/10 | 1,000,000.00 | 8,000,000.00  | 30      | 240,000,000.00   |
| 28/11 | 2,000,000.00 | 10,000,000.00 | 79      | 790,000,000.00   |
| 15/2  |              | 10,000,000.00 | 1       | 10,000,000.00    |
| TC:   |              |               |         | 1,600,000,000.00 |

$$\text{Tiền lãi TC} = = 1,6000,000,000 \times 1\% \times 12/365$$

526,027.40

### THANG ĐIỂM

| Phần câu hỏi                            | Câu số/Nội dung câu hỏi | Thang điểm   | Ghi chú |
|-----------------------------------------|-------------------------|--------------|---------|
| <b>I. Trắc nghiệm (và nhóm câu hỏi)</b> |                         | <b>6.0</b>   |         |
|                                         | Câu 1 – 20              | 0.3 điểm/câu |         |
| <b>II. Tự luận</b>                      |                         | <b>4.0</b>   |         |
|                                         | Câu 1                   | 1.5          |         |
|                                         | Câu 2.1                 | 1.0          |         |
|                                         | Câu 2.2                 | 1.5          |         |
| <b>Điểm tổng</b>                        |                         | <b>10.0</b>  |         |

Người duyệt đề



**TS. Hoàng Chí Cương**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2024

Giảng viên ra đề



**ThS. Ngô Thị Thùy Linh**